

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST.

Ngày: 18-7-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Thiên

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tòng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST – DS ngày 20/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-DS ngày 09/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Thạch H, sinh năm 1991 (có mặt), theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2019.

Địa chỉ: số 199 đường N, khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: - Ông Đỗ D, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn K, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 75, khóm E, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Thạch H trình bày:*

Ngày 15/02/2019 vợ chồng ông Đỗ D và bà Nguyễn K có hỏi vay của ông Hồ M số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, không có thỏa thuận về phần lãi suất. Việc vay tiền ông D có viết biên nhận cho ông M và vợ ông D

là bà K cũng có ký tên vào tờ biên nhận lập ngày 15/02/2019, mục đích vay tiền là để sử dụng chung trong gia đình. Đến hạn vào ngày 17/3/2019 vợ chồng ông D có trả cho ông M số tiền vốn là 30.000.000 đồng, còn số tiền 70.000.000 đồng đến nay vợ chồng ông D chưa trả cho ông M.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đỗ D và bà Nguyễn K trả cho ông Hồ M số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/3/2019 đến nay (ngày 18/7/2019), tròn 04 tháng, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2019 bị đơn ông Đỗ D trình bày:*

Ông thừa nhận là vợ chồng ông có hỏi vay của ông Hồ M số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay cụ thể ông không nhớ, khi vay thì ông có làm biên nhận và vợ chồng ông cùng ký tên vào biên nhận, biên nhận lập ngày 15/02/2019 mà ông M cung cấp cho Tòa án đúng là biên nhận do ông viết và vợ chồng ông ký tên; thời hạn vay là trong vòng 30 ngày sẽ thanh toán cho ông M, sau khi vay ông có trả cho ông M được số tiền 30.000.000 đồng, ông còn nợ lại ông M số tiền vốn 70.000.000 đồng là đúng sự thật, số tiền vay thì vợ chồng ông dùng để cho một người bạn của vợ chồng ông mượn để đáo hạn cho ngân hàng nhưng hiện nay họ cũng gặp khó khăn nên chưa trả lại tiền cho vợ chồng ông, hiện nay do kinh tế vợ chồng ông khó khăn nên ông chưa thể thanh toán cho ông M được số tiền này trong một lần, ông yêu cầu được trả cho ông M số tiền vốn 70.000.000 đồng nhưng trả hai lần, lần đầu trong thời hạn 03 tháng ông trả cho ông M số tiền 30.000.000 đồng, lần hai sau ba tháng tiếp theo ông trả cho ông M số tiền 40.000.000 đồng và ông đồng ý chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật đến ngày ông thanh toán xong nợ cho ông M.

** Theo biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn K ngày 18/6/2019, bà K trình bày như sau:*

Bà thừa nhận chồng bà có hỏi vay tiền của ông Hồ M số tiền 100.000.000 đồng, chồng bà có viết biên nhận lập ngày 15/02/2019 cho ông M và vợ chồng bà cùng ký tên vào biên nhận này, hẹn trong thời hạn 30 ngày sẽ thanh toán lại cho ông M, chồng bà hỏi tiền để cho bạn của chồng bà mượn nhưng đến nay họ chưa trả cho vợ chồng bà, vợ chồng bà cũng đã trả cho ông M được số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại ông M số tiền 70.000.000 đồng là đúng. Số tiền này bà cũng thống nhất cùng chồng bà là ông Đỗ D chịu trách nhiệm trả cho ông M nhưng việc trả tiền thì để cho chồng bà có thời gian để trả lại cho ông M. Bà cũng có ý kiến xin giải quyết vắng mặt vì bà bận công việc gia đình nên không thể tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn, bị đơn bà Kiều đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; còn bị đơn ông D chưa chấp hành theo quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông M yêu cầu vợ chồng ông D, bà K trả số tiền vốn là 70.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 15/02/2019 đến khi xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện về lãi suất là tính lãi từ ngày 18/3/2019 đến ngày xét xử, tròn 04 tháng, mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm. Xét thấy việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét về nội dung: Nguyên đơn ông M yêu cầu bị đơn ông D, bà K trả tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật; phía vợ chồng ông D, bà K cũng thừa nhận nợ theo yêu cầu của ông M nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 BLTTDS và đề nghị căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M. Còn đối với yêu cầu của bị đơn xin được trả dần số tiền vay cho ông M hai lần, phía đại diện nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện; đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Hồ M vắng mặt nhưng có đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Thạch H tham gia; bị đơn bà Nguyễn K vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Đỗ D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; tại phiên tòa đại diện nguyên đơn và kiểm sát viên đều yêu cầu xét xử vắng mặt ông M, ông D, bà K nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông M, bà K, ông D. Ngoài ra, tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất: nguyên đơn chỉ yêu cầu phía bị đơn trả lãi suất cho nguyên đơn theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm tính từ ngày 18/3/2019 đến ngày xét xử, tròn 04 tháng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này là có lợi cho bị đơn, không vượt quá phạm vi khởi kiện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của BLTTDS chấp nhận yêu cầu thay đổi này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Theo đơn kiện, cũng như đại diện nguyên đơn và theo lời khai bị đơn ông D ngày 05/7/2019, lời khai của bị đơn bà K ngày 18/6/2019, các đương sự đều thống nhất thừa nhận: Ngày 15/02/2019 vợ chồng ông Đỗ D, bà Nguyễn K có hỏi vay của ông Hồ M số tiền vốn 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, khi vay tiền thì ông D có viết biên nhận bằng giấy tay cho ông M và vợ chồng ông D, bà K cùng ký tên vào biên nhận nợ. Vào ngày 17/3/2019 vợ chồng ông D, bà K có trả cho ông M số tiền vốn là 30.000.000 đồng. Đến nay vợ chồng ông D, bà K còn nợ ông M số tiền vốn là 70.000.000 đồng. Nội dung các đương sự thừa nhận nêu trên là tình tiết vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS năm 2015. Đồng thời, ngày 15/02/2019

ông M cho vợ chồng ông D, bà K hỏi vay tiền, hai bên thỏa thuận 30 ngày sau (nhằm ngày 17/3/2019) vợ chồng ông D, bà K hoàn trả lại tiền cho ông M. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, vợ chồng ông D, bà K chỉ trả được cho ông M số tiền 30.000.000 đồng, còn lại số tiền 70.000.000 đồng đến nay chưa trả lại cho ông M, nên vợ chồng ông D, bà K đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà K trả lại số tiền vốn 70.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về lãi suất: Ông M yêu cầu vợ chồng ông D, bà K trả cho ông số tiền lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 18/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/7/2019). Phía vợ chồng ông D, bà K cũng thống nhất trả lãi cho ông M theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo biên nhận lập ngày 15/02/2019 cũng như đại diện nguyên đơn trình bày khi vợ chồng ông D, bà K hỏi vay tiền của ông M hai bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ mà hai bên thỏa thuận là 30 ngày kể từ ngày vay (ngày 15/02/2019), tức là đến ngày 17/3/2019 thì vợ chồng ông D, bà K có nghĩa vụ trả lại cho ông M số tiền vay mà phía vợ chồng ông D, bà K chỉ trả cho ông M được 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 70.000.000 đồng đến nay chưa trả. Như vậy thì vợ chồng ông D, bà K phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ đối với ông M theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu trả lãi của ông M được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, vợ chồng ông D, bà K phải trả lãi suất cho ông M theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tính từ ngày 18/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/7/2019) là 04 tháng, cụ thể $70.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 2.324.000 \text{ đồng}$.

[4] Xét ý kiến của bị đơn ông D yêu cầu trả tiền vốn và lãi cho ông M hai lần, lần đầu vào ba tháng sau trả 30.000.000 đồng, lần hai là ba tháng tiếp theo trả số tiền 40.000.000 đồng nhưng phía đại diện nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông D, bà K phải chịu là 3.616.200 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông M tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ M về việc yêu cầu ông Đỗ D, bà Nguyễn K trả lại số tiền vay.

Buộc ông Đỗ D, bà Nguyễn K trả cho ông Hồ M số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi suất là 2.324.000 đồng, tổng cộng là 72.324.000 đồng (Bảy mươi hai triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày 19/7/2019 ông D, bà K còn phải trả lãi cho ông M theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ D, bà Nguyễn K phải chịu án phí là 3.616.200 đồng (Ba triệu sáu trăm mười sáu nghìn, hai trăm đồng).

Ông Hồ M không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007068 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Vàng

